

An Giang, ngày 30 tháng 01 năm 2026

## KẾ HOẠCH Vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 02/2026

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công Thương về Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Căn cứ Công văn số 6629/EVN SPC ngày 28/08/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc kế hoạch cung cấp điện;

Căn cứ Phương thức 311/NSMO-PT ngày 25/01/2026 của Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia về việc Phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia tháng 02/2026.

Công ty Điện lực An Giang (PCAG) lập kế hoạch vận hành lưới điện tỉnh An Giang tháng 02/2026 như sau:

### I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH THÁNG 01/2026

Trong tháng 01/2026, PCAG đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn tỉnh An Giang; đã đảm bảo cấp điện cho Tết Dương lịch và trong thời gian diễn ra Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Sản lượng điện nhận tháng 01/2026 đạt 529 triệu kWh (đã bao gồm điện nhận từ năng lượng mặt trời), thấp hơn 0,3% so với cùng kỳ năm 2025. Sản lượng bình quân ngày là 17 triệu kWh, sản lượng ngày cao nhất đạt 18,5 triệu kWh (ngày 06/01/2026) và công suất ngày cao nhất là 843,6 MW (ngày 15/01/2026).

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 1		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	529.483.387	530.943.148	-0,27%
		A ngày tb (kWh)	17.080.109	17.127.198	-0,27%
		A ngày max (kWh)	18.502.058	18.866.781	-1,93%
		A ngày min (kWh)	15.146.589	14.655.076	3,35%
2	Công suất	P max (MW)	843,6	815,8	3,41%
		P min (MW)	311	301	3,32%

### 1. Các chỉ tiêu kỹ thuật – vận hành

#### 1.1. Tình hình mất điện

Mất điện do sự cố nguồn: Không.

## 1.2. Tình hình vận hành hệ thống điện

### - Về đường dây 110kV

+ Đường dây 110kV thường xuyên vận hành trên 80%: không có.

### - Về trạm 110kV

+ Các MBA đầy tải ngắn hạn >80%: Không có.

+ MBA T1 Tri Tôn, T1 Hà Tiên, T2 Hòn Đất, T2 Kiên Lương 2: một số ngày nắng tốt, công suất phát ngược từ lưới 22kV lên lưới 110kV trong khoảng thời gian từ 10:00 - 14:00.

## 1.3. Độ tin cậy cung cấp điện (phân phối)

Tháng 01/2026: SAIDI là 8 phút; MAIFI là 0,06 lần; SAIFI là 0,08 lần.

## 1.4. Về sự cố lưới điện

### 1.4.1. Sự cố lưới 22kV:

- Tháng 01/2026 xảy ra 08 vụ sự cố, giảm 10 vụ so với cùng kỳ năm 2025. Trong đó sự cố KD là 07 vụ, giảm 08 vụ; sự cố TQ là 01 vụ, tăng 2 vụ so với cùng kỳ; sự cố TBA 00 vụ, bằng số vụ so với cùng kỳ năm 2026.

### 1.4.2. Sự cố lưới 110kV:

- Tháng 01/2026: không xảy ra sự cố.

## 2. Tình hình điện áp thấp, mang tải cao, đầy/quá tải

- Điện áp thấp: Không.

- Đường dây 22kV mang tải cao (>300A): 471 Phú Quốc, 477 Phú Quốc, 472 An Châu, 477 An Châu.

## 3. Tình hình huy động công suất nguồn điện mặt trời mái nhà

Thực hiện huy động công suất tối đa nguồn điện mặt trời mái nhà theo phân bổ hàng tuần của Tổng công ty, cụ thể:

- Ngày 01/1/2026: từ 7:30 - 15:30: huy động 97,55MW/395 MW
- Ngày 02/1/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 158,41MW/395 MW
- Ngày 03/1/2026: từ 10:00 - 13:00: huy động 147,21MW/395 MW
- Ngày 04/1/2026: từ 9:30 - 14:00: huy động 127,68MW/395 MW
- Ngày 05/1/2026 – 09/01/2026: từ 10:30 - 13:00: huy động 148,2MW/395 MW
- Ngày 10/1/2026: từ 10:00 - 14:00: huy động 136,8MW/395 MW
- Ngày 11/1/2026: từ 11:00 - 13:00: huy động 161,88 MW/395 MW
- Ngày 12/01/2026 và 13/1/2026: Huy động tối đa
- Ngày 14/1/2026 – 17/01/2026: từ 10:00 - 14:30: huy động 151,38MW/395 MW
- Ngày 18/1/2026: từ 11:00 - 13:00: huy động 140,67 MW/395 MW
- Ngày 19/1/2026 – 26/01/2026: từ 9:30 - 14:30: huy động 136,7MW/395 MW

- Ngày 24/01/2026: từ 09:30 - 14:30: huy động 158,22MW/395 MW
- Ngày 25/01/2026: từ 10:00 - 14:00: huy động 142,65 MW/395 MW
- Ngày 26/1/2026 – 30/01/2026: từ 9:00 - 15:00: huy động 142,75MW/395 MW
- Ngày 31/01/2026: từ 10:00 - 14:30: huy động 154,15 MW/395 MW
- Ngày 01/02/2026: từ 9:00 - 14:30: huy động 162,38 MW/395 MW

## II. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THÁNG 02/2026

### 1. Dự kiến sản lượng điện nhận, công suất

- Sản lượng điện nhận dự kiến: 503 triệu kWh, giảm 5% so với tháng 1/2026.
- Công suất lớn nhất trong tháng: Pmax ~ 869 MW.
- Công suất nhỏ nhất trong tháng: Pmin ~ 300 MW.

Stt	Sản lượng - Công suất	HTĐ	Tháng 2		So sánh cùng kỳ (%)
			Năm 2026	Năm 2025	
1	Sản lượng điện nhận	A tháng (kWh)	503.009.218	547.541.037	-8,13%
		A ngày tb (kWh)	17.964.615	19.555.037	-8,13%
		A ngày max (kWh)	18.617.037	20.383.940	-8,67%
		A ngày min (kWh)	14.995.124	15.749.066	-4,79%
2	Công suất	P max (MW)	869	931	-6,66%
		P min (MW)	300	304	-1,32%

### 2. Kế hoạch huy động nguồn điện năng lượng mặt trời

- NMD mặt trời Bình Hòa 10MW: Huy động công suất phát tối đa theo phân bố trên trang web: [www.thitruongdien.evn.vn](http://www.thitruongdien.evn.vn) của đơn vị Điều độ HTĐ quốc gia.

- Nguồn năng lượng mặt trời mái nhà: Thực hiện theo văn bản công bố công suất huy động tối đa nguồn năng lượng mặt trời mái nhà hàng tuần của Tổng công ty.

### 3. Kết dây cơ bản lưới điện 110kV

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
1.	Long Xuyên	MC 171	Thường mở	MBA T1, T2 nguồn Long Xuyên 2
2.	An Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Long Xuyên 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
3.	Chợ Mới	MC 412	Thường mở	Trạm nhận nguồn Cao Lãnh 2 MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
4.	Phú Châu	MC 421	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 ĐZ 110kV cấp T2 Hồng Ngự
5.	Cái Dầu	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
6.	Châu Đốc	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
7.	Tri Tôn	MC 132	Thường mở	MBA T1 cấp C41, C42 MBA T2 vận hành kinh tế

Stt	Trạm 110kV	Chỉ danh	Trạng thái	Ghi chú
8.	Thoại Sơn	MC 131	Thường mở	MBA T2 cấp C41, C42 MBA T1 vận hành kinh tế
9.	Phú Tân	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2
10.	An Phú	MC 132	Thường mở	Trạm nhận nguồn Châu Đốc 2 MBA T1 cấp C41, C42
11.	Hòn Đất	MC 171	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T2 cấp C42
12.	Kiên Lương 2	MC 172	Thường mở	Trạm nhận nguồn Kiên Bình MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
13.	Hà Tiên	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
14.	Minh Phong	MC 412	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42
15.	Rạch Giá	MC 421	Thường mở	MBA T1 cấp C41, MBA T2 cấp C42

#### 4. Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)

Theo phụ lục đính kèm.

#### 5. Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới 110kV, 22kV

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 110kV tháng 01/2026:

Tên thiết bị, đường dây	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Nội dung công việc
- Trạm Châu Đốc: MC 171, MC 172, MC 112, MC 131, MC 132, MBA T1, MBA T2, MC 431, MC 432, Thanh cái C41 + C42, Thanh cái C11 + C12; - Cô lập đường dây 110kV 172 Châu Đốc 2 - 172 Châu Đốc	01/02/2026 06:00	01/02/2026 16:00	Vệ sinh công nghiệp, xử lý tồn tại trạm 110kV Châu Đốc
Cô lập đường dây 110kV 171 Thạnh Đông – 132 Thoại Sơn	07/02/2026 07:00	07/02/2026 20:00	Kiểm tra đường dây; Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026
- Trạm Tịnh Biên: MC 131, MBA T1, MC 431, Thanh cái C41	08/02/2026 06:00	08/02/2026 16:00	Thí nghiệm định kỳ/CBM năm 2026

- Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lưới điện lưới 22kV tháng 02/2026: Kiểm tra bảo dưỡng lưới điện, thí nghiệm CBM phục vụ cấp điện Tết.

#### 6. Kế hoạch vận hành lưới 22kV, 110kV

Vận hành theo kết dây cơ bản lưới điện 22kV, 110kV như hiện nay, đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định và tin cậy cho khách hàng trên địa bàn; đảm bảo cấp điện cho khách hàng chế biến sản phẩm phục vụ Tết và các điểm diễn ra các hoạt động chính trị, văn hoá, nghệ thuật chào mừng năm mới.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án cung cấp điện để đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai; nắm bắt tình hình tại địa phương để có phương án cung ứng điện kịp thời.

Tăng cường công tác quản lý vận hành, kiểm tra hành lang ATLĐCA, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tại địa phương trong công tác tuyên truyền và xử lý; tăng cường công tác kiểm tra các vị trí xung yếu, các khu vực có nhiều cây cối, khu vực đông dân cư, khu vực có công trường xây dựng, khu vực có phụ tải tăng cao bất thường để có giải pháp phù hợp chi tiết triển khai tại từng khu vực nhằm giảm thiểu tối đa sự cố lưới điện.

Thực hiện huy động công suất ĐMTMN theo công bố công suất huy động của nguồn ĐMTMN tránh quá tải lưới điện.

Thực hiện kế hoạch, phương án đảm bảo cung cấp điện năm 2026, phương án ứng phó mất cân đối cung cầu hệ thống điện, kế hoạch vận hành lưới điện tháng của PCAG, phương thức vận hành của SSO. Triển khai thực hiện đảm bảo cung cấp điện an toàn, ổn định trong các tháng đầu năm 2026./.

**Phụ lục : Kết dây cơ bản lưới điện 22kV (khác trạm 110kV)**

Stt	Phát tuyến 1	Phát tuyến 2	Vị trí trụ	Thiết bị thường mở
1.	478 Long Xuyên	478 An Châu	478LX/110	LBS
2.	482 Long Xuyên	477 An Châu	482LX/137	MC
3.	480 Long Xuyên	479 Long Xuyên 2	472-480LX/56A	LBS
4.	473 Long Xuyên	473 Thới Thuận	472-473TT/14/23	MC
5.	475 Long Xuyên	472 Thới Thuận	472-473TT/14/19A	MC
6.	471 Long Xuyên 2	471 Thoại Sơn	473-471TS/215	LBS
7.	473 Long Xuyên 2	473 Thoại Sơn	473-471TS/214	LBS
8.	474 Thoại Sơn	477 Tri Tôn	474TS/415	LBS
9.	475 An Châu	473 Cái Dầu	473CD/202	MC
10.	481 An Châu	479 Tri Tôn	481AC/301	LBS
11.	471 Cái Dầu	472 Châu Đốc	471CD/189	LBS
12.	475 Cái Dầu	479 Tri Tôn	475CD/492	MC
13.	476 Cái Dầu	481 An Châu	481AC/323	LBS
14.	471 Tri Tôn	475 Tịnh Biên	471TT/318/220	DS
15.	478 Tri Tôn	481 Tịnh Biên	481TB/277	MC
16.	475 Châu Đốc	471 An Phú	475CĐ/79/32B/2A	LBS
17.	480 An Phú	472 Phú Châu	472PC/134	LBS
18.	482 An Phú	476 Phú Châu	472PC/118.157.3	LBS
19.	476 Phú Châu	475 Phú Tân	474PC/66.108	MC
20.	477 Phú Châu	480 Phú Tân	477PC/341	MC
21.	473 Phú Tân	471 Chợ Mới	475PT/346	LBS
22.	473 Phú Tân	472 Chợ Mới	482CM/121	MC
23.	479 Chợ Mới	472 Hội An	475TH/372	LBS
24.	472 Hội An	475 Thạnh Hưng	475TH/46	MC
25.	480 Hội An	482 Chợ Mới	480-482CM/264	DS
26.	482 Hội An	482 Thạnh Hưng	477TH/146	MC
27.	478 Châu Đốc	479 Tịnh Biên	471CĐ/179	MC
28.	471 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	471RG/86	DS
29.	475 Rạch Giá	476 Vĩnh Quang	475RG/97	DS
30.	475 Rạch Giá	480 Vĩnh Quang	475RG/81/1	LBS
31.	474 Rạch Giá	472 Vĩnh Quang	474RG/95	DS
32.	476 Rạch Giá	471 Chung Sư	471-473CS/90	LBS

<b>Stt</b>	<b>Phát tuyến 1</b>	<b>Phát tuyến 2</b>	<b>Vị trí trụ</b>	<b>Thiết bị thường mở</b>
33.	476 Rạch Giá	477 Chung Su	471CS/3/88	DS
34.	478 Rạch Giá	473 Chung Su	471-473CS-476-478RG/5P	LBS
35.	474 Vĩnh Quang	474 Hòn Đất	474HĐ/270	LBS
36.	471 Chung Su	474 Rạch Giá	474RG/38D/78	LBS
37.	475 Chung Su	475 Thạnh Đông	475CS/475TĐ/95	LBS
38.	477 Chung Su	477 Thạnh Đông	477TĐ/477CS/112	LBS
39.	476 Minh Phong	477 Giồng Riềng	476MP/183	LBS
40.	478 Minh Phong	473 Chung Su	478MP/185A	LBS
41.	480 Minh Phong	471 Chung Su	478MP/471/2	LBS
42.	471 Minh Phong	472 An Biên	472AB/159	LBS
43.	477 Thạnh Đông	471 Giồng Riềng	472GR/131	LBS
44.	472 Thạnh Đông	478 Vĩnh Thạnh (PC Cần Thơ QLVH)	478VT/367 (Cần Thơ QLVH)	LBS
45.	477 Giồng Riềng	481 Gò Quao	481GQ/253	LBS
46.	479 Gò Quao	471 Vị Thanh (PC Cần Thơ QLVH)	471VT/390	MC
47.	478 An Biên	473 U Minh Thượng	478AB/39	MC
48.	472 An Biên	479 U Minh Thượng	472AB/138/5P	MC
49.	471 U MinhThượng	474 Vĩnh Thuận	471UMT/132	MC
50.	478 Vĩnh Thuận	476 An Xuyên (PC Cà Mau QLVH)	478VT/102	MC
51.	472 Hòn Đất	471 Kiên Lương 2	472HĐ/265	LBS
52.	477 Kiên Lương 2	480 Hà Tiên	477KL2/130	LBS
53.	475 Hà Tiên	471 Tri Tôn	475HT/343	LBS
54.	473 Phú Quốc	471 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/242	LBS
55.	475 Phú Quốc	473 Nam Phú Quốc	482-480NPQ/246	LBS
56.	480 Phú Quốc	475 Nam Phú Quốc	472PQ/157/14	LBS
57.	477 Hà Tiên	471 Hà Tiên	473HT/61/31	LBS